

NHẬN DIỆN CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC SINH KẾ TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP CỦA HỘ GIA ĐÌNH TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HÓA

NCS. Nguyễn Kiều Nga¹, PGS.TS. Cù Thanh Thủy²

¹Đại học Kinh tế Quốc dân

²Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Tác giả liên hệ: kieunga1312@gmail.com

Ngày nhận: 19/11/2025

Ngày nhận bản sửa: 21/11/2025

Ngày duyệt đăng: 24/12/2025

DOI: 10.71192/187521rygxmz

Tóm tắt

Bài báo phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn chiến lược sinh kế của các hộ gia đình nông nghiệp trong bối cảnh đô thị hóa. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu lý thuyết, nghiên cứu trước đó và số liệu thứ cấp, đồng thời, phỏng vấn chuyên gia nhằm kiểm chứng luận điểm và bổ sung những quan sát thực tiễn. Kết quả cho thấy sự lựa chọn chiến lược sinh kế chịu tác động bởi tương tác giữa các yếu tố tâm lý - hành vi (nhận thức, thái độ, chuẩn chủ quan) và các yếu tố phi tâm lý (đặc điểm hộ, năng lực sinh kế, thể chế chính sách). Nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của cách tiếp cận toàn diện, kết hợp nâng cao năng lực, thay đổi nhận thức - thái độ của hộ gia đình và hoàn thiện thể chế, nhằm thúc đẩy lựa chọn các chiến lược sinh kế bền vững trong bối cảnh đô thị hóa nhanh.

Từ khóa: Chiến lược sinh kế, hành vi, ngành nông nghiệp.

Identifying Factors Influencing Household Livelihood Strategy Choices in Agriculture in the Context of Urbanization

Nguyen Kieu Nga, PhD. Student. ¹, Assoc.Prof, Dr. Cu Thanh Thuy²

¹National Economics University

²Hanoi Architectural University

Corresponding Author: kieunga1312@gmail.com

Abstract

The article analyzes the factors influencing the decisions of agricultural households regarding livelihood strategies in the context of rapid urbanization. The study employs a synthesis and analysis of theoretical documents, prior research, and secondary data, combined with expert interviews to validate key arguments and gain additional insights not reflected in existing documents. The findings indicate that livelihood strategy selection is shaped by the interaction between psychological and behavioral factors (perceptions, attitudes, subjective norms) and non-psychological factors (household characteristics, livelihood capabilities, and institutional - policy frameworks). The study underscores the necessity of adopting a comprehensive approach that integrates capacity enhancement and shifts in households' perceptions and attitudes, alongside improving institutional and policy mechanisms, in order to promote the adoption of sustainable livelihood strategies amid accelerating urbanization.

Keywords: Agriculture, Behavior, Livelihood Strategies.

1. Đặt vấn đề

Chiến lược sinh kế có thể được nghiên cứu ở nhiều cấp độ phân cấp khác nhau và cấp độ được sử dụng phổ biến nhất là hộ gia đình (Chambers & Conway, 1992). Việc nhận diện và phân loại các chiến lược sinh kế đóng vai trò then chốt trong việc xác định các mô hình đặc thù, từ đó, đề xuất những giải pháp can thiệp phù hợp nhằm giảm thiểu tình trạng nghèo đói (Kajembe & cộng sự, 2024). Trên thế giới,

hiều nghiên cứu gần đây về các nhân tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn chiến lược sinh kế đã phân tích các yếu tố tâm lý - hành vi và các nhân tố phi tâm lý - hành vi của hộ gia đình, nhưng vẫn còn một khoảng trống nghiên cứu rõ rệt trong việc kết hợp phân tích đồng thời cả yếu tố tâm lý - hành vi và phi tâm lý - hành vi. Tại Việt Nam, Hà Nội là địa phương đại diện cho các tỉnh thành phố có tỷ lệ đô thị hoá cao và tạo ra nhiều thay đổi đối với sinh kế nông hộ.

Xuất phát từ khoảng trống trên, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: Tổng quan nghiên cứu và xác định các nhân tố ảnh hưởng tới việc lựa chọn chiến lược sinh kế của hộ gia đình trong ngành nông nghiệp đô thị dựa trên cơ sở lý thuyết từ các nghiên cứu trước đó và phỏng vấn sâu tại Hà Nội; Xác định các biến số cụ thể của các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa

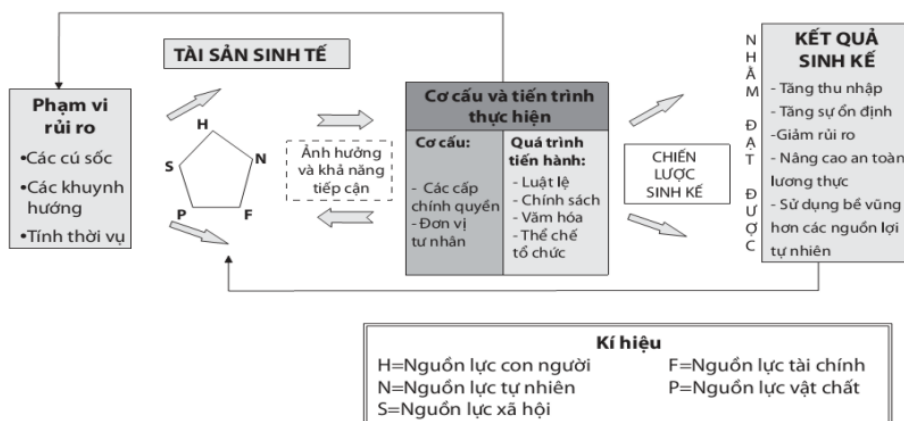
chọn chiến lược sinh kế của hộ gia đình ngành nông nghiệp trong bối cảnh đô thị hoá dựa trên cơ sở là các nghiên cứu từ các tạp chí uy tín.

2. Tổng quan nghiên cứu và mô hình lý thuyết

2.1. Chiến lược sinh kế của hộ gia đình ngành nông nghiệp tại đô thị

2.1.1. Chiến lược sinh kế của hộ gia đình

Hình 1. Khung sinh kế bền vững theo DFID



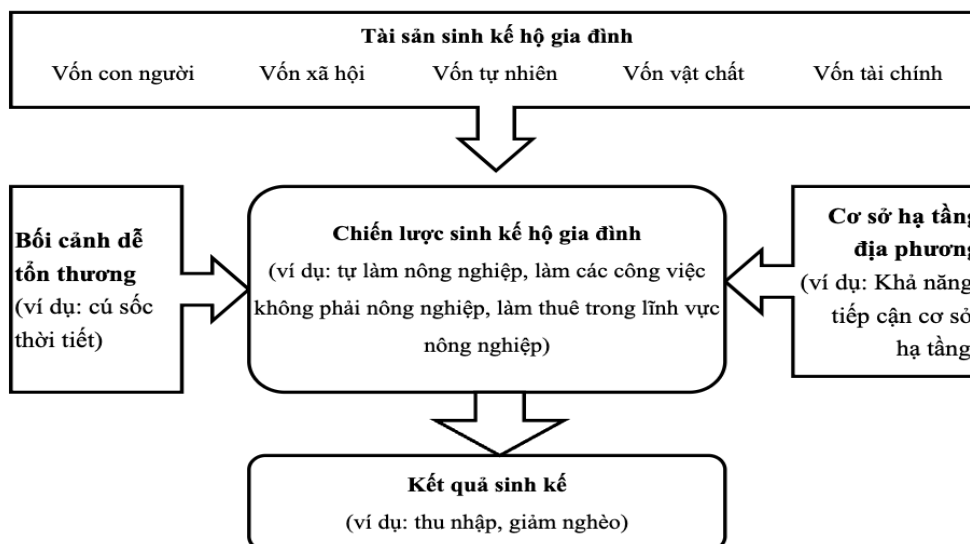
Nguồn: Cục Phát triển Quốc tế Anh - DFID, 1999

Trong số nhiều quan điểm về khái niệm sinh kế do các nhà khoa học và tổ chức đưa ra, định nghĩa của Chambers & Conway (1992) được sử dụng rộng rãi nhất, theo đó, “sinh kế bao gồm năng lực, tài sản và hoạt động cần thiết cho một phương thức sống”. Khung sinh kế bền vững của DFID (1999) được sử dụng rộng

rãi khi nghiên cứu về sinh kế (Hình 1).

Chiến lược sinh kế được hiểu là phương thức mà cá nhân hoặc hộ gia đình tổ chức và thực hiện các hoạt động nhằm duy trì, ổn định và phát triển sinh kế trong điều kiện dễ bị tổn thương (Talema & Nigusie, 2023). Chiến lược sinh kế của hộ gia đình theo (DFID, 1999) được thể hiện trong Hình 2.

Hình 2. Chiến lược sinh kế hộ gia đình theo DFID



Nguồn: DFID (1999)

KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

Tổng quan các nghiên cứu về chiến lược sinh kế hộ gia đình cho thấy một xu hướng chung: các chiến lược thường được phân loại thành 2 đến 5 nhóm. Các nhóm phổ biến nhất thường bao gồm: (1) thuần nông; (2) làm thuê nông nghiệp; (3) phi nông nghiệp; (4) đa dạng hóa ngành nghề; hoặc (5) kết hợp các hình thức trên.

Bảng 1. Tóm lược các nghiên cứu chính về các chiến lược sinh kế của hộ gia đình

TT	Tác giả	Quốc gia	Các chiến lược sinh kế
NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ			
1	(Emeru & cộng sự, 2022)	Ethiopia	Ba loại: Tự làm nông nghiệp; Làm thuê trong lĩnh vực nông nghiệp; Làm ngoài lĩnh vực nông nghiệp; kết hợp ba loại đó.
2	(Cui & cộng sự, 2024)	Trung Quốc	Bốn loại: Chủ yếu là nông nghiệp; Chủ yếu là nông nghiệp với sự bổ sung phi nông nghiệp; Chủ yếu là phi nông nghiệp với sự bổ sung nông nghiệp; và Định hướng việc làm.
NGHIÊN CỨU TẠI VIỆT NAM			
3	(Nguyễn Nam Quảng & Nguyễn Song Văn, 2022)	Việt Nam	Hai loại: Nông nghiệp và Phi nông nghiệp.
4	(Ho & cộng sự, 2024)	Việt Nam	Ba loại: Chỉ trồng lúa; Trồng lúa và các hoạt động nông nghiệp khác; Trồng lúa và các hoạt động phi nông nghiệp.

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

2.1.2. Sự thay đổi chiến lược sinh kế của hộ gia đình trong bối cảnh đô thị hóa

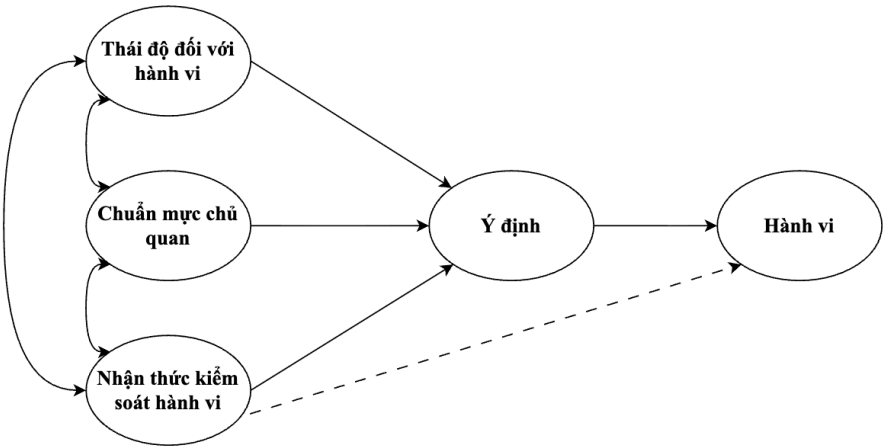
Trong bối cảnh đô thị hóa, có những hộ gia đình phải từ bỏ hoàn toàn hoạt động nông nghiệp để chuyển sang các ngành phi nông nghiệp. Tỷ lệ này lên tới 25-35% trong các nghiên cứu tại vùng ven đô Hà Nội (Đoàn Kim Thắng, 2016). Ngoài ra, các hộ gia đình cũng có thể sử dụng chiến lược đa dạng hóa kết hợp giữa hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp (Zhao & Lan, 2023).

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi ra quyết định của hộ gia đình trong bối cảnh đô thị hóa

Bài báo này hướng tới việc phân tích các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn chiến lược sinh kế của hộ gia đình hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, hai nhóm nhân tố chính được xem xét gồm: (i) nhân tố tâm lý - hành vi và (ii) nhân tố phi tâm lý - hành vi.

2.2.1. Về nhóm nhân tố tâm lý - hành vi

Hình 3. Khung lý thuyết TPB



Nguồn: Ajzen (1991)

Có nhiều nghiên cứu về các nhân tố tâm lý - hành vi của người nông dân trong ngành nông nghiệp, phần lớn đều sử dụng

lý thuyết Hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior - TPB) làm trọng tâm trong nghiên cứu về hành vi của người

nông dân (Zhang & Wang, 2024). Trong nước, nghiên cứu của Nguyen Thi Phuong Linh & cộng sự (2021) và Bùi Đức Hùng & cộng sự (2021) sử dụng kết hợp giữa lý thuyết TPB và các lý thuyết khác để phân tích. Khung lý thuyết TPB được thể hiện trong Hình 3.

2.2.2. Về nhóm nhân tố phi tâm lý - hành vi

Ngoài cách tiếp cận từ khía cạnh tâm lý, nhiều nghiên cứu về sinh kế xem xét hành vi dựa trên các nhân tố phi tâm lý. Các nhà nghiên cứu trước đã chỉ ra các nhóm nhân tố như sau: Nhân tố Năng lực sinh kế (Liu & cộng sự, 2020; Ho & cộng sự, 2024; Soltani & cộng sự, 2024; Cai & cộng sự, 2019; Peng & cộng sự, 2017; Paudel Khatiwada & cộng sự, 2017; Emeru & cộng sự, 2022); Nhân tố Đặc điểm hộ gia đình (Emeru & cộng sự, 2022; Ho & cộng sự, 2024; Paudel Khatiwada & cộng sự, 2017); Nhân tố thể chế và chính sách hỗ trợ (Peng & cộng sự, 2017; Ho & cộng sự, 2024).

2.2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Thứ nhất, phần lớn tập trung vào hộ nông thôn, trong khi nghiên cứu về hộ nông nghiệp đô thị còn hạn chế.

Thứ hai, ít công trình kết hợp đồng thời nhân tố tâm lý - hành vi và phi tâm lý, dẫn tới thiếu góc nhìn toàn diện.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp kết hợp giữa tổng hợp tài liệu và lấy ý kiến chuyên gia nhằm đảm bảo cả cơ sở lý thuyết và thực tiễn tại Hà Nội được xem xét kỹ lưỡng. Việc lựa chọn phương pháp dựa trên hai cơ sở:

(i) *Cơ sở khoa học*: Trong các nghiên cứu về sinh kế, việc tổng hợp từ các nghiên cứu trước đó giúp xây dựng khung phân tích ban đầu. Tuy nhiên, nhiều yếu tố tác động đến hành vi lựa chọn sinh kế của hộ gia đình có đặc thù phụ thuộc mạnh vào bối cảnh địa phương, thể chế và chính sách cụ thể (Ellis, 2000; Scoones, 1998). Do vậy, nếu chỉ dựa trên tài liệu thứ cấp là chưa đủ; việc bổ sung phương pháp chuyên gia giúp kiểm chứng, hoàn thiện, đồng thời, nâng cao giá trị của nghiên cứu.

(ii) *Cơ sở thực tiễn*: Các chương trình chuyển đổi sinh kế tại Việt Nam thời gian qua đã cho thấy khoảng cách giữa thiết kế chính sách và thực thi. Do đó, việc tham vấn các chuyên gia có kinh nghiệm thực tế hoặc có kinh nghiệm trong nghiên cứu, hoạch định chính sách sẽ cung cấp thêm chiều sâu, góp phần gắn kết lý thuyết với thực tiễn. Điều này góp phần làm tăng độ

tin cậy của nghiên cứu.

Trong nghiên cứu này, ý kiến chuyên gia được dùng với các mục tiêu chính:

- Đánh giá mức độ phù hợp, đầy đủ của các nhóm nhân tố đã xác định trong tổng hợp tài liệu.

- Bổ sung những khía cạnh thực tiễn tại Hà Nội còn thiếu hoặc chưa được đề cập trong lý thuyết.

3.2. Tiêu chí lựa chọn chuyên gia

Các chuyên gia tham gia nghiên cứu được lựa chọn kỹ càng qua tiêu chí cụ thể nhằm đảm bảo chất lượng dữ liệu:

- Chuyên gia có ít nhất 5 năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc thực hành trong các lĩnh vực liên quan (nông nghiệp, phát triển nông thôn, chính sách công, quản lý dự án sinh kế).

- Chuyên gia có chuyên môn sâu về lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, chính sách công hoặc có kinh nghiệm thực tiễn thông qua làm việc trực tiếp với cộng đồng nông hộ trong các dự án chuyển đổi sinh kế.

Số lượng và thành phần: Tổng cộng 03 chuyên gia được lựa chọn, đủ để thu thập dữ liệu đa chiều và đảm bảo tính đại diện, trong đó, gồm 01 nhà nghiên cứu liên quan tới thể chế, chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp, 01 chuyên gia có kinh nghiệm thực tế với nông hộ và 01 chuyên gia về thực hành nông nghiệp hữu cơ.

Phương pháp chọn mẫu: Áp dụng phương pháp chọn mẫu có chủ đích kết hợp với chuỗi giới thiệu từ các mạng lưới chuyên gia uy tín để đảm bảo tiếp cận đúng các chuyên gia là những người có kiến thức sâu rộng, uy tín và có kinh nghiệm thực tiễn đáng tin cậy.

3.3. Quá trình nghiên cứu và thu thập dữ liệu

Quá trình nghiên cứu được tiến hành qua 2 bước:

Trước tiên, nhóm tác giả tiến hành tổng hợp, phân tích các tài liệu lý thuyết, nghiên cứu trước đó liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Tiếp theo, để kiểm chứng, bổ sung và làm sâu sắc hơn các luận điểm lý thuyết, tác giả áp dụng phương pháp lấy ý kiến chuyên gia.

Phỏng vấn và trao đổi ý kiến chuyên gia được thực hiện qua hình thức bán cấu trúc.

Dữ liệu thu thập từ phỏng vấn chuyên gia được phân tích bằng kỹ thuật phân tích nội dung và phân tích từ khóa.

Cách tiếp cận này vừa đảm bảo tính hệ thống từ cơ sở lý thuyết, vừa tăng cường tính ứng dụng và độ tin cậy thông qua đối chiếu với kinh nghiệm thực tiễn từ chuyên gia.

4. Kết quả và thảo luận

Dựa trên khung phân tích nghiên cứu, phần này trình bày kết quả và thảo luận về các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn chiến lược sinh kế của hộ gia đình trong nông nghiệp đô thị.

4.1. Nhóm các nhân tố tâm lý, hành vi

4.1.1. Nhận thức và thái độ

Ông Nguyễn Văn Cường - Viện trưởng Viện Nghiên cứu và ứng dụng Nông nghiệp hữu cơ, cho rằng nhận thức và thái độ đóng vai trò quyết định trong

Hộp 1. Ý kiến của chuyên gia về ảnh hưởng của nhân tố nhận thức và thái độ tới sự lựa chọn chiến lược sinh kế của hộ gia đình trong ngành nông nghiệp

Theo quan điểm của ông Nguyễn Văn Cường - Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Nông nghiệp hữu cơ: Từ thực tế làm việc với nông dân tại Hà Nội trong quá trình chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ, tôi nhận thấy rằng nhận thức và thái độ của hộ gia đình đóng vai trò then chốt trong việc lựa chọn chiến lược sinh kế. Nhiều hộ dù có điều kiện tương đối tốt, nhưng nếu chưa nhận thấy rõ lợi ích của việc chuyển đổi, hoặc còn nghi ngại về tính khả thi, thì thường do dự và chần chừ.

Khi hộ gia đình tin rằng mô hình mới có thể giúp họ cải thiện thu nhập, ổn định đầu ra, và phù hợp với xu thế thị trường, họ sẽ chủ động tìm hiểu và sẵn sàng thay đổi. Tuy nhiên, điều đó chỉ diễn ra khi họ cảm thấy đủ tự tin - rằng mình có khả năng thực hiện, có nơi hỗ trợ, và có thể kiểm soát được rủi ro.

Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu của tác giả

Kết hợp với các nghiên cứu trước đó, các nhà nghiên cứu cũng cho rằng, nhận thức và thái độ ảnh hưởng lớn tới hành vi lựa chọn của hộ gia đình (Ajzen, 1991; Bui Huy Nhung & Dinh Duc Truong, 2024; Swart & cộng sự, 2023). Nhóm tác giả đánh giá nhân tố này dựa trên ba thang đo chính: (i) Lợi ích nhận thức - Hộ gia đình nhận thức được rằng lợi ích đạt được là cao hơn khi chuyển đổi chiến lược sinh kế; (ii) Kiểm soát hành vi nhận thức - Hộ gia đình tự tin có đủ thông tin và các điều kiện cần thiết khác cho quyết định của mình; (iii) Thái độ đối với hành vi - Thái độ tích cực của hộ gia đình đối với việc lựa chọn chuyển đổi sinh kế. (Ajzen, 1991; Bui Huy Nhung & Dinh Duc Truong, 2024; Swart & cộng sự, 2023; Thompson & cộng sự, 2023).

4.1.2. Chuẩn chủ quan

Nhân tố Chuẩn chủ quan được đánh giá có tác động tới hành vi ra quyết định của hộ gia đình (Nguyen Thu Thuy & cộng sự, 2020). “Chuẩn chủ quan trong TPB là nhận thức của cá nhân về áp lực xã hội từ những người quan trọng (như gia đình, bạn bè, đồng nghiệp) đối với việc thực hiện hay không thực hiện một hành vi nào đó”. Nói cách khác, “chuẩn chủ quan phản ánh mức độ mà cá nhân tin rằng những người xung quanh mong muốn họ thực hiện hành vi đó”. Chuẩn chủ quan thường có mối liên hệ yếu với ý định, và vai trò của nó bị ảnh hưởng bởi mức độ kiểm soát hành

việc lựa chọn chiến lược sinh kế. Sự thiếu sót trong “Lợi ích nhận thức” khiến hộ gia đình chần chừ, mặc dù có thể có đủ nguồn lực. Ngược lại, việc hộ gia đình cảm thấy “đủ tự tin” (Kiểm soát hành vi nhận thức) là điều kiện tiên quyết để chuyển đổi. Điều này cho thấy rằng, trong nông nghiệp đô thị, việc thay đổi niềm tin và thái độ có thể quan trọng hơn cả việc cung cấp vốn, đặc biệt đối với các mô hình sản xuất đòi hỏi sự tỉ mỉ và kiên nhẫn như nông nghiệp hữu cơ (kết quả phỏng vấn sâu của tác giả).

vi cảm nhận được (La Barbera & Ajzen, 2020). Nhóm tác giả đánh giá nhân tố Chuẩn chủ quan dựa trên các thang đo sau: Có mối quan hệ tốt - Có mối quan hệ tốt với những người nông dân khác (Huong & cộng sự, 2024; Thompson & cộng sự, 2023); Có trao đổi thông tin - Có trao đổi thông tin với các mạng xã hội địa phương ở khu vực đang sinh sống (Aweke & cộng sự, 2023; Thompson & cộng sự, 2023); Chuẩn mực chủ quan - Ý kiến tích cực của những người xung quanh về việc chuyển đổi sinh kế (Liu & cộng sự, 2018; Nguyen Thu Thuy & cộng sự, 2020); Swart & cộng sự (2023).

4.2. Nhóm các nhân tố phi tâm lý - hành vi

4.2.1. Đặc điểm hộ gia đình

Nhiều nghiên cứu trước đây đã chứng minh rằng các đặc điểm của hộ gia đình đóng vai trò nền tảng trong việc định hình các lựa chọn sinh kế (Emeru & cộng sự, 2022; Ho & cộng sự, 2024; Paudel Khatiwada & cộng sự, 2017).

Cụ thể, giới tính của chủ hộ được Githaiga & cộng sự (2016) và Ho & cộng sự (2024) khẳng định là một nhân tố ảnh hưởng, phản ánh sự khác biệt trong vai trò, quyền quyết định và khả năng tiếp cận nguồn lực giữa nam và nữ trong nông nghiệp. Tương tự, tuổi của chủ hộ được các tác giả Talema & Nigusie (2023), Sun & cộng sự (2019), Githaiga & cộng sự (2016), Peng & cộng sự (2017) đánh giá

là một biến số được nghiên cứu rộng rãi, thường liên quan đến mức độ sẵn sàng chấp nhận rủi ro, kinh nghiệm sản xuất và khả năng áp dụng công nghệ mới.

Trong khi đó, Swart & cộng sự (2023), Ngo Thanh Mai & Dinh Duc Truong (2022), Cai & cộng sự (2019), Peng & cộng sự (2017) cho rằng quy mô hộ gia đình được xem là đại diện cho nguồn lực lao động tiềm năng và nhu cầu chi tiêu của hộ, từ đó, tác động đến áp lực và động lực tìm kiếm các chiến lược sinh kế đa dạng hóa. Trình độ học vấn được các

tác giả Talema & Nigusie (2023), Cai & cộng sự (2019), Ngo Thanh Mai & Dinh Duc Truong (2022), Githaiga & cộng sự (2016), Peng & cộng sự (2017) cho rằng có vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng tiếp thu thông tin, kỹ thuật và phân tích rủi ro. Cuối cùng, tình trạng sức khỏe của chủ hộ (Cai & cộng sự, 2019; Sun & cộng sự, 2019) ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động và khả năng tham gia vào các hoạt động sinh kế đòi hỏi thể lực cao.

4.2.2. Năng lực sinh kế

Hộp 2. Ý kiến của chuyên gia về ảnh hưởng của nhân tố năng lực sinh kế tới sự lựa chọn chiến lược sinh kế của hộ gia đình trong ngành nông nghiệp

Theo quan điểm của bà Nguyễn Thị Lan Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty WIS, đơn vị chuyên tư vấn các mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP và hữu cơ cho hộ gia đình, hợp tác xã: Việc lựa chọn chiến lược sinh kế không đơn thuần là sự lựa chọn dựa trên mong muốn chủ quan, mà phụ thuộc sâu sắc vào điều kiện nội tại của từng hộ. Nhiều hộ gia đình có tinh thần cầu tiến, chủ động học hỏi, tiếp thu nhanh các phương pháp canh tác tiên tiến. Họ là những người có khả năng thích ứng cao với yêu cầu của mô hình nông nghiệp sạch hay hữu cơ. Về tài chính, đây là rào cản phổ biến đối với người dân. Với các hộ có tích lũy hạn chế hoặc khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay, lựa chọn một chiến lược mới là điều không dễ dàng. Vai trò của mạng lưới xã hội và sự kết nối trong cộng đồng là yếu tố nền tảng. Những hộ tham gia tổ nhóm sản xuất, hợp tác xã hoặc có mối liên hệ với đơn vị kỹ thuật, doanh nghiệp thu mua... thường tự tin hơn trong việc đổi mới phương thức sản xuất, bởi họ được hỗ trợ cả về kỹ thuật, đầu ra và thông tin thị trường.

Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu của tác giả

Nhân tố năng lực sinh kế (Liu & cộng sự, 2020; Ho & cộng sự, 2024; Soltani & cộng sự, 2024; Cai & cộng sự, 2019; Peng & cộng sự, 2017; Paudel Khatiwada & cộng sự, 2017; Emeru & cộng sự, 2022) là một trong số các nhân tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn chiến lược sinh kế của Hộ gia đình.

Nhân tố nguồn lực sinh kế được đánh giá dựa trên các yếu tố: Vốn tự nhiên - diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người có ảnh hưởng tới chiến lược sinh kế hộ gia đình (Ling & cộng sự, 2025; Peng & cộng sự, 2017; Soltani & cộng sự, 2024); Vốn vật chất - giá trị nhà đất của hộ gia đình (Cai & cộng sự, 2019; Ling & cộng sự, 2025; Peng & cộng sự, 2017; Soltani & cộng sự, 2024); Vốn con người - được tính bằng số lượng lao động chính - số lượng lao động từ 15-60 tuổi (Cai & cộng sự, 2019; Ling & cộng sự, 2025; Ngo Thanh Mai & Dinh Duc Truong, 2022; Peng & cộng sự, 2017); Vốn tài chính - được tính trên tổng thu nhập hàng năm của hộ (Cai & cộng sự, 2019; Ling & cộng sự,

2025; Ngo Thanh Mai & Dinh Duc Truong, 2022; Soltani & cộng sự, 2024; Sun & cộng sự, 2019); Vốn xã hội - số lượng, thành viên hộ gia đình tham gia vào các tổ chức địa phương (Cai & cộng sự, 2019; Ling & cộng sự, 2025; Ngo Thanh Mai & Dinh Duc Truong, 2022; Soltani & cộng sự, 2024).

Phỏng vấn chuyên gia đã củng cố và làm rõ hơn vai trò phức tạp của nhân tố này trong bối cảnh nông nghiệp đô thị: Quan điểm từ chuyên gia Lan Anh hoàn toàn tương đồng với những nghiên cứu trước đó. Cụ thể, bà nhấn mạnh vốn con người (tinh thần cầu tiến, chủ động học hỏi), vốn tự nhiên và vốn vật chất (điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng) là các yếu tố thuận lợi. Đặc biệt, bà chỉ ra vốn tài chính là “rào cản phổ biến”, xác nhận tầm quan trọng của tổng thu nhập và tích lũy hộ gia đình (Cai & cộng sự, 2019) trong việc chấp nhận rủi ro và chuyển đổi sang các mô hình sản xuất bền vững hơn.

4.2.3. Thể chế và chính sách hỗ trợ

Hộp 3. Ý kiến của chuyên gia về ảnh hưởng của nhân tố thể chế và chính sách hỗ trợ tới sự lựa chọn chiến lược sinh kế của hộ gia đình trong ngành nông nghiệp

Theo quan điểm của bà Hoàng Thị Thu Huyền - Phó Bộ môn Thể chế tổ chức sản xuất Nông nghiệp và Nông thôn - Viện Cây lương thực và cây thực phẩm: Thể chế và

chính sách hỗ trợ có vai trò rất lớn trong việc định hướng lựa chọn chiến lược sinh kế của hộ gia đình. Nếu hệ thống chính quyền ở địa phương, như chính quyền cơ sở, hợp tác xã hay các nhóm, tổ chức cộng đồng hoạt động hiệu quả, minh bạch và gần gũi với người dân, thì hộ gia đình sẽ cảm thấy yên tâm hơn khi đưa ra quyết định chuyển đổi sinh kế.

Đặc biệt, các chính sách hỗ trợ cụ thể như hỗ trợ ổn định đời sống sau khi thu hồi đất, cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời, hay tổ chức đào tạo nghề tại chỗ, có tác động trực tiếp đến khả năng và mức độ sẵn sàng thay đổi của người dân.

Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu của tác giả

Bà Hoàng Thị Thu Huyền - Phó Bộ môn Thể chế tổ chức sản xuất Nông nghiệp và Nông thôn, Viện Cây lương thực và cây thực phẩm, nhận định thể chế và chính sách hỗ trợ đóng vai trò nền tảng trong định hướng và tạo điều kiện cho hộ gia đình lựa chọn chiến lược sinh kế mới. Các chính sách hỗ trợ cụ thể như ổn định đời sống, cung cấp thông tin kịp thời và đào tạo nghề kích thích người dân mạnh dạn đổi mới (kết quả phỏng vấn sâu). Ngược lại, sự thiếu đồng bộ trong chính sách khiến các hộ gia đình lúng túng và dễ quay trở lại phương thức truyền thống.

Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu của Huong & cộng sự (2024), tác giả đánh giá nhân tố thể chế với các chỉ tiêu như hỗ trợ ổn định đời sống sau thu hồi đất, hỗ trợ thông tin chính sách và hỗ trợ đào tạo nghề tại chỗ.

Nhân tố thể chế và chính sách hỗ trợ (Peng & cộng sự, 2017; Ho & cộng sự, 2024) là một nhân tố được đánh giá có tác động tới hành vi ra quyết định của hộ gia đình dựa trên kết quả phỏng vấn sâu của tác giả và dựa vào tổng quan các nghiên cứu trước đó. Nhóm tác giả đánh giá nhân tố thể chế và chính sách hỗ trợ dựa trên các chỉ tiêu sau: Hỗ trợ ổn định đời sống - chính quyền địa phương hỗ trợ ổn định đời sống người dân sau khi thu hồi đất và tái định cư (Huong & cộng sự, 2024); Hỗ trợ thông tin - chính quyền địa phương cung cấp thông tin chính sách đầy đủ và kịp thời cho người dân (Huong & cộng sự, 2024); Hỗ trợ đào tạo - chính quyền địa phương quan tâm và hỗ trợ đào tạo tại chỗ và định hướng chuyển đổi nghề nghiệp cho cộng đồng (Huong & cộng sự, 2024).

Phỏng vấn chuyên gia đã làm nổi bật tầm quan trọng của sự hỗ trợ này đối với việc giảm thiểu rủi ro trong quá trình chuyển đổi. Ý kiến của bà Huyền nhấn mạnh tính thực chất và kịp thời của các chính sách. Sự can thiệp của thể chế không chỉ dừng lại ở việc ban hành chính sách mà còn ở khâu thực hiện hiệu quả ("hệ thống thể chế tin cậy, gần dân"). Điều này xác nhận rằng các chỉ tiêu về hỗ trợ (ổn định đời sống, thông tin, đào tạo) được Huong & cộng sự (2024)

đề xuất là cần thiết để tạo ra một môi trường an toàn, thúc đẩy hộ gia đình mạnh dạn từ bỏ sinh kế truyền thống.

4.3. Các nhân tố khác

Nhóm các nhân tố dưới đây được tác giả tổng hợp dựa trên các nghiên cứu trước đó, được đánh giá là các nhân tố trung gian của các nhân tố chính. Cụ thể:

Thứ nhất, nhóm nhân tố về nhận thức về rủi ro môi trường nông nghiệp: Nhận thức rủi ro là cách cá nhân hoặc nhóm đánh giá và hiểu về mức độ nguy hiểm, khả năng xảy ra và hậu quả của các rủi ro tiềm ẩn trong một môi trường nhất định (Duong & cộng sự, 2019). Nhận thức này ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định sản xuất, quản lý và ứng phó với rủi ro của nông dân (Li & cộng sự, 2022). Nhóm nhân tố này được tác giả đánh giá dựa trên các chỉ tiêu sau: Mất hiệu suất do thiên tai gây ra - năng suất sản xuất nông nghiệp giảm do thiên tai (Mou & Li, 2025; Niu & Zhou, 2025); Tần suất thiên tai - tần suất thiên tai tại địa phương (Mou & Li, 2025; Niu & Zhou, 2025).

Thứ hai, nhóm nhân tố về nhận thức về khả năng tiếp cận nguồn lực: Nhận thức khả năng tiếp cận nguồn lực là cách đánh giá mức độ dễ dàng hoặc khó khăn khi tiếp cận và sử dụng các nguồn lực cho sản xuất nông nghiệp. Nhận thức này chịu ảnh hưởng bởi yếu tố cá nhân, điều kiện xã hội, và sự hiện diện của các dịch vụ hỗ trợ (Aweke & cộng sự, 2023; Sahu & cộng sự, 2024). Các nhân tố nhận thức về khả năng tiếp cận nguồn lực được tác giả đánh giá dựa trên chỉ tiêu sau: Tiếp cận công nghệ thông tin - khả năng tiếp cận công nghệ thông tin để cập nhật thông tin (Aweke & cộng sự, 2023); Tiếp cận cán bộ khuyến nông - tần suất tiếp cận cán bộ khuyến nông để cập nhật thông tin (Aweke & cộng sự, 2023).

Thứ ba, nhóm nhân tố về nhận thức về khả năng tiếp cận thị trường: Nhận thức khả năng tiếp cận thị trường là cách đánh giá mức độ dễ dàng hoặc khó khăn trong việc bán sản phẩm vào các kênh tiêu thụ. Nhận thức khả năng tiếp cận thị trường có vai trò quyết định trong việc lựa chọn các

chiến lược sinh kế (Githaiga & cộng sự, 2016; Ma & cộng sự, 2024). Các nhân tố về về nhận thức về khả năng tiếp cận thị trường được các nhà nghiên cứu chỉ ra như sau: Vị trí địa lý - vị trí đất nông nghiệp gần đô thị đã giúp hộ gia đình tiếp cận thị trường cho nông sản của mình (Githaiga & cộng sự, 2016); Thị trường sẵn có - thị trường cho nông sản của tôi luôn sẵn có (Githaiga & cộng sự, 2016); Quy mô thị trường - có đủ khách hàng để mua nông sản của tôi (Githaiga & cộng sự, 2016).

5. Kết luận và khuyến nghị

Trong bối cảnh đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, việc lựa chọn chiến lược sinh kế phù hợp trong ngành nông nghiệp đang trở thành vấn đề cấp thiết đối với hộ gia đình. Thông qua phương pháp tổng hợp tài liệu và phỏng vấn chuyên gia, nghiên cứu này đã nhận diện được các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn chiến lược sinh kế của hộ nông nghiệp. Các nhân tố ảnh hưởng cụ thể như sau:

Thứ nhất, về nhóm nhân tố tâm lý - hành vi. Nhân tố nhận thức và thái độ của hộ gia đình là nhân tố tác động trực tiếp đến hành vi lựa chọn chiến lược sinh kế. Nhân tố chuẩn chủ quan là nhân tố thúc đẩy việc lựa chọn sinh kế của hộ gia đình.

Thứ hai, về nhóm nhân tố phi tâm lý - hành vi. Nhân tố đặc điểm hộ gia đình là nhóm nhân tố có ảnh hưởng nền tảng. Nhân tố năng lực sinh kế - gồm vốn tự nhiên, vốn con người, vốn vật chất, vốn tài chính và vốn xã hội - đóng vai trò quyết định khả năng triển khai và duy trì chiến lược sinh kế của hộ. Nhân tố thể chế và chính sách hỗ trợ là nhân tố quan trọng mang tính định hướng và thúc đẩy.

Ngoài ra, các yếu tố khác như nhận thức rủi ro môi trường, khả năng tiếp cận nguồn lực và thị trường cũng có tác động đến hành vi lựa chọn sinh kế, đóng vai trò như những yếu tố trung gian điều chỉnh ảnh hưởng của các nhóm nhân tố chính.

Tóm lại, nghiên cứu khẳng định rằng sự lựa chọn chiến lược sinh kế của hộ gia đình trong ngành nông nghiệp không đơn thuần là quyết định cá nhân, mà là kết quả của sự tương tác giữa những nhân tố tâm lý - hành vi và các nhân tố phi tâm lý - hành vi. Từ đó, để thúc đẩy hộ nông dân lựa chọn chiến lược sinh kế bền vững trong bối cảnh đô thị hóa, cần có cách tiếp cận tổng thể, đồng bộ, kết hợp giữa nâng cao năng lực của hộ gia đình, thay đổi nhận thức - thái độ, và hoàn thiện hệ thống thể chế - chính sách hỗ trợ hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *50*(2), 179-211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
- Aweke, A., Tefera, T., Gezahegn, M., & Sileshi, M. (2023). Determinants of household choice of livelihood diversification strategies in selected drought prone areas of the southern nations nationalities and peoples' region, Ethiopia. *Agricultural Sciences*, *14*(10), 1375-1392.
- Bùi Đức Hùng, Bùi Đức Phi Hùng, & Trần Quốc Hùng. (2021). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất cà phê vùng Tây Nguyên. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, *57*(4), 204-214. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2021.129>
- Bui Huy Nhung, & Dinh Duc Truong. (2024). Factors affecting the adoption of high technology in vegetable production in Hanoi, Vietnam. *Frontiers in Sustainable Food Systems*, *8*, 1345598.
- Cai, J., Wang, T., Xia, X., Chen, Y., Lv, H., & Li, N. (2019). Analysis on the choice of livelihood strategy for peasant households renting out farmland: Evidence from western poverty-stricken areas in China. *Sustainability*, *11*(5), 1424.
- Chambers, R., & Conway, G. (1992). *Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century* (Vol. 296). Institute of development studies Brighton. <https://www.ids.ac.uk/publications/sustainable-rural-livelihoods-practical-concepts-for-the-21st-century/>
- Cui, H., Wang, Y., Wang, W., & Liu, C. (2024). Rural households' livelihood transitions in China: processes, drivers and outcomes. *China Agricultural Economic Review*.
- DFID. (1999). Sustainable livelihoods guidance sheets. *445*, 710.
- Duong, T. T., Brewer, T., Luck, J., & Zander, K. (2019). A global review of farmers' perceptions of agricultural risks and risk management strategies. *Agriculture*, *9*(1), 10.
- Đoàn Kim Thắng. (2016). Chiến lược sinh kế của người dân ven đô Hà Nội trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay. *Xã hội học*, *3*(135).
- Ellis, F. (2000). *Rural livelihoods and diversity in developing countries*. Oxford university press.
- Emeru, G. M., Fikire, A. H., & Beza, Z. B. (2022). Determinants of urban households' livelihood diversification strategies in North Shewa Zone, Ethiopia. *Cogent Economics & Finance*, *10*(1), 2093431.
- Githaiga, T. W., Mulu-Mutuku, M., & Kinuthia, L. N. (2016). Influence of selected factors on livelihood strategy choices among the peri-urban smallholder farmers in lanet division of Nakuru East Sub-county, Kenya. *International Journal of Economics, Commerce and Management, United Kingdom*, Vol. IV(Issue 10).

- Ho, T. D., Tsusaka, T. W., Kuwornu, J. K., Lam, L. M., & Vu, T. T. (2024). Does livelihood capital influence the livelihood diversification strategies of smallholder rice farmers? Evidence from the Mekong Delta of Vietnam. *Cogent Economics & Finance*, 12(1), 2397456.
- Huong, T. T. L., Phuong, T. T. L., Dat, T. T., & Truong, D. D. (2024). Environmental satisfaction of resettlement households after land acquisition in Vietnam: A case study in Hai Phong city. *Environmental Research Communications*, 6(6), 065014.
- Kajembe, J., Bostedt, G., Ngaga, Y., & Abdallah, J. (2024). Livelihood strategy choices among spice farmers in the eastern arc mountains of Tanzania. *Journal of Development and Agricultural Economics*, 16(2), 54-68. <https://doi.org/10.5897/jdae2024.1406>
- La Barbera, F., & Ajzen, I. (2020). Control interactions in the theory of planned behavior: Rethinking the role of subjective norm. *Europe's Journal of Psychology*, 16(3), 401.
- Li, M., Liu, Y., Huang, Y., Wu, L., & Chen, K. (2022). Impacts of risk perception and environmental regulation on farmers' sustainable behaviors of agricultural green production in China. *Agriculture*, 12(6), 831.
- Ling, S., Yin, Z., Hu, C., & Dong, J. (2025). Research on livelihood strategy choices and influencing factors of farmers in the area of the Grain for Green Project in China. *Frontiers in Sustainable Food Systems*, 9, 1491760.
- Liu, T., Bruins, R. J., & Heberling, M. T. (2018). Factors influencing farmers' adoption of best management practices: A review and synthesis. *Sustainability*, 10(2), 432.
- Ma, W., Sonobe, T., & Gong, B. (2024). Linking farmers to markets: Barriers, solutions, and policy options. *Economic Analysis and Policy*, 82, 1102-1112.
- Mou, Y., & Li, X. (2025). Risk Perception and Key Beliefs on Business Adaptation Behavior of Family Farmers: Empirical Evidence from Sichuan Province, China. *Behavioral Sciences*, 15(1), 86.
- Ngo Thanh Mai, & Dinh Duc Truong. (2022). Farming Households' Perception on Natural Disaster Impacts to Livelihoods and Adaptation Practices: A Case Study of Coastal Provinces in Central Vietnam. *International Journal of Sustainable Development & Planning*, 17(2).
- Nguyen Thi Phuong Linh, Doan Xuan Hau, Nguyen Thu Thuy, & Nguyen Thi Mai. (2021). Factors affecting Vietnamese farmers' intention toward organic agricultural production. 48(8), 1213-1228. <https://doi.org/10.1108/IJSE-08-2020-0554>
- Nguyen Thu Thuy, Doan Xuan Hau, Tran Manh Linh, Tran Nhat Minh, & Nguyen Thi Dao. (2020). A dataset of factors influencing intentions for organic farming in Vietnam. *Data in brief*, 33, 106605.
- Nguyễn Nam Quảng, & Nguyễn Song Văn. (2022). Phát triển du lịch và sinh kế hộ nông dân nghèo: Lý luận và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, (305 (2)), 39-48.
- Niu, J., & Zhou, Y. (2025). How rural tourism development affects farmers' livelihood resilience: based on comprehensive survey data of rural revitalization in China. *Frontiers in Sustainable Food Systems*, 9, 1573149.
- Peng, W., Zheng, H., Robinson, B. E., Li, C., & Wang, F. (2017). Household livelihood strategy choices, impact factors, and environmental consequences in Miyun reservoir watershed, China. *Sustainability*, 9(2), 175.
- Sahu, S., Bishnoi, S., Sharma, P. R., Satyapriya, Mahra, G. S., Burman, R. R., Barua, S., Misha Madhavan, M., Sangeetha, V., & Sinha, S. K. (2024). Exploring popular information sources and determinants of farmers' access to agricultural extension services in the Indo-Gangetic plains. *Frontiers in Sustainable Food Systems*, 8, 1339243.
- Scoones, I. (1998). *Sustainable rural livelihoods: a framework for analysis* (Vol. 72). Institute of Development Studies Brighton. <https://www.ids.ac.uk/publications/sustainable-rural-livelihoods-a-framework-for-analysis/>
- Soltani, H., Mahdavi, S. K., Abdollahzadeh, G., & Souri, M. (2024). Determinants of Livelihood Strategy Choice Among Herder Households: Implications for Poverty Alleviation in Southwestern Iran. *Mountain Research and Development*, 44(4), R1-R11.
- Sun, R., Mi, J., Cao, S., & Gong, X. (2019). Classifying livelihood strategies adopting the activity choice approach in rural China. *Sustainability*, 11(11), 3019.
- Swart, R., Levers, C., Davis, J. T., & Verburg, P. H. J. O. E. (2023). Meta-analyses reveal the importance of socio-psychological factors for farmers' adoption of sustainable agricultural practices.
- Talema, A. H., & Nigusie, W. B. (2023). Impacts of urban expansion on the livelihoods of local farming communities: The case of Burayu town, Ethiopia. *Heliyon*, 9(3).
- Thompson, B., Leduc, G., Manevska-Tasevska, G., Toma, L., & Hansson, H. J. J. o. A. E. (2023). Farmers' adoption of ecological practices: A systematic literature map. 75(1), 84-107.
- Zhang, M., & Wang, H. (2024). Exploring the Factors Affecting Farmers' Willingness to Cultivate Eco-Agriculture in the Qilian Mountain National Park Based on an Extended TPB Model. 13(3), 334. <https://doi.org/10.3390/land13030334>
- Zhao, X., & Lan, F. (2023). The impact of livelihood capital endowment on household poverty alleviation: The mediating effect of land transfer. *Land*, 12(7), 1346.